

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST

Ngày 19/11/2018

Về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Ông Thái Trung Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Sơn Thị Mỹ H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số nhà bb khóm S, Phường 2, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Anh Kim T, sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà cc khóm S, Phường 2, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 21/8/2018 (BL 01) cũng như quá trình giải quyết vụ án (BL 42-43) và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Sơn Thị Mỹ H đều trình bày:

Năm 2001, chị Sơn Thị Mỹ H kết hôn với anh Kim T và được Ủy ban nhân dân xã V (Nay là Ủy ban nhân dân Phường 2, thị xã V) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/9/2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H sinh sống cùng với gia đình chị H tại khóm S, Phường 2, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống, chị H - anh T đã có 03 con chung là cháu Kim Gia B (Nam), sinh ngày 04/01/2003; Kim Thị Minh T (Nữ), sinh ngày 17/12/2005 và Kim Minh P (Nam), sinh ngày 18/01/2008. Do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, anh T thiếu trách nhiệm với gia đình làm cho tình cảm phai nhạt nên không còn hạnh phúc nữa. Từ đầu năm 2017, chị H đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh và hiện đã trở về địa phương nhưng vợ chồng vẫn không còn sống chung với nhau. Nay, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H đồng ý để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim Gia B, do cháu B có nguyện vọng sống chung với cha. Riêng cháu Kim Thị Minh T và Kim Minh P có nguyện vọng sống với mẹ nên chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, cháu P và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H với anh T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do chị H giao nộp là Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu Kim Gia B, Kim Thị Minh T và Kim Minh P (BL 02-11).

- Quá trình giải quyết vụ án (BL 42-43) và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Kim T trình bày:

Anh T thống nhất với chị H về thời điểm kết hôn, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn, thời gian chung sống cũng như tình trạng cuộc sống chung sau khi cưới; anh T cũng thống nhất với ý kiến của chị H đã trình bày về con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, anh T không đồng ý ly hôn với chị H vì anh T còn tình cảm thương yêu vợ con; dù anh T không có biện pháp, kế hoạch cụ thể để cải thiện tình trạng hôn nhân nhưng anh T hy vọng khoảng vài năm sau chị H sẽ quay trở về để tiếp tục sống chung, xây dựng hạnh phúc gia đình.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh T đồng ý sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim Gia B và không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con. Ngoài ra, anh T cũng thống nhất để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim Thị Minh T và Kim Minh P, do cháu T và cháu P có nguyện vọng được sống chung với mẹ; anh T không có điều kiện cấp dưỡng cho cháu T, cháu P.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài các lý lẽ và nguyện vọng nêu trên, anh Kim T không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì liên quan.

- Tòa án đã ghi lời khai để xem xét nguyện vọng của cháu B, cháu T và cháu P; tham khảo ý kiến của Ủy ban nhân dân Phường 2 để xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp. Các đương sự không phản đối về những tài liệu, chứng cứ đã giao nộp và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn với anh T; giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu P, anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B; chị H và anh T không phải cấp dưỡng cho con; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; quyết định nghĩa vụ chịu án phí đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Sơn Thị Mỹ H yêu cầu ly hôn với anh Kim T và giải quyết quyền nuôi con chung. Quan hệ tranh chấp nêu trên được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình); thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu B, cháu T và cháu P cũng như lời thừa nhận của các đương sự; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử kết luận giữa chị H với anh T đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, từ gần 02 năm nay, dù không có thỏa thuận khác và cũng không vì yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, các hoạt động xã hội nhưng chị H sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, anh T thì sống tại tỉnh Sóc Trăng; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện công việc gia đình; vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, chị H và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; không còn thương yêu, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị H ly hôn với anh T.

Chị H, anh T đã có 03 con chung là cháu Kim Gia B, Kim Thị Minh T và Kim Minh P. Tại thời điểm xét xử vụ án, cháu B, cháu T và cháu P đều đã trên 07 tuổi, được học tập ổn định, phát triển bình thường về thể chất cũng như trí tuệ; cháu T và cháu P có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu B có nguyện vọng sống với cha; việc bày tỏ ý chí của các cháu là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc và chị H, anh T cũng thống nhất với sự lựa chọn của các con. Xét, ý chí và nguyện vọng của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình, về nghĩa vụ và quyền của cha mẹ cũng như đạo đức xã hội, phù hợp điều kiện thực tế của các bên. Vì vậy, cần căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình để giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu P, giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu; đồng thời, ghi nhận ý chí tự nguyện của chị H và anh T về việc không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Các đương sự cùng khẳng định tự thỏa thuận phân chia tài sản và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Sơn Thị Mỹ H được ly hôn với anh Kim T.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Kim Thị Minh T (Nữ), sinh ngày 17/12/2005 và cháu Kim Minh P (Nam), sinh ngày 18/01/2008. Giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Kim Gia B (Nam), sinh ngày 04/01/2003.

Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị H và anh T, về việc không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Trong thời gian chị H và anh T nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu B, cháu T và cháu P, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nếu có căn cứ và hợp pháp.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự cùng khẳng định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Sơn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0003928 ngày 22/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- UBND Phường 2, thị xã V;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠng